

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/12/2022.

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Điền;

Ông Đoàn Văn Đây;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Trương Minh T**, sinh năm 1990.

HKTT: Tổ 10, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: 30 (lầu 1) Hưng Đạo Vương, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Tang Thu T (Tăng Thu T)**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 1731 R, San Jose, CA, USA.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Truong Minh T trình bày:***

Ông T và bà Tang Thu T (Tăng Thu T) tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 226/2017.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông thường phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Sau đó bà Tang Thu T (Tăng Thu T) đã sang Mỹ sinh sống. Ông bà đã xa nhau một thời gian, ông nhận thấy tình cảm của ông bà không còn, mâu thuẫn không được giải quyết. Vì vậy, ông làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tang Thu T (Tăng Thu T), cụ thể:

Về hôn nhân: Ông T đề nghị được ly hôn với bà Tang Thu T (Tăng Thu T).

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Tang Thu T (Tăng Thu T) đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập làm việc, hòa giải, xét xử theo thủ tục tố tụng của Pháp luật Việt Nam, nhưng bà Tang Thu T (Tăng Thu T) vắng mặt không lý do và không có lời khai.

**** Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Tang Thu T (Tăng Thu T) kết hôn vào tháng 10/2017 được UBND Tp. B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 226/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo ông T trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc lẫn

nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Sau đó bà Tang Thu T đã sang Mỹ sinh sống. Ông nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà T có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông T nhưng đến nay không nhận được ý kiến của bà T. Nhận thấy, hôn nhân giữa ông T và bà T không đạt được mục đích của hôn nhân nên yêu cầu xin ly hôn của ông T là có cơ sở chấp nhận.

+ Về con chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến trình bày.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến trình bày

Vì những phân tích trên, đề nghị: Căn cứ Điều 56, 59, 58,82,83, 83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 474, 477 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trương Minh T, ông T được ly hôn với bà Tang Thu T (Tăng Thu T).

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có, bị đơn không có ý kiến trình bày nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm: Ông T phải nộp 300.000đ (trừ vào tạm ứng đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Tang Thu T (Tăng Thu T) hiện đang cư trú 1731 R, San Jose, CA, USA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử : Ông Đỗ Trương Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bà Tang Thu T (Tăng Thu T) đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo địa chỉ ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn để tham gia phiên tòa, nhưng bà Tang Thu T (Tăng Thu T) vẫn vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Đỗ Trương Minh T và bà Tang Thu T (Tăng Thu T).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trương Minh T và bà Tang Thu T (Tăng Thu T) kết hôn vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 226/2017 ngày 10/10/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà thường phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Sau đó bà Tang Thu T (Tăng Thu T) đã sang Mỹ sinh sống. Ông bà đã xa nhau một thời gian, ông T xác định hiện nay không còn tình cảm với bà Tang Thu T (Tăng Thu T), mục đích hôn nhân không đạt được nên có đơn ly hôn. Bà Tang Thu T (Tăng Thu T) đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Việt Nam tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của ông T, việc này chứng tỏ bà Tang Thu T (Tăng Thu T) đã bỏ mặc, không quan tâm vun đắp tình cảm vợ chồng, nên khả năng đoàn tụ là không thể. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, xử cho ông T được ly hôn bà Tang Thu T (Tăng Thu T).

[2.2] Về con chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 469, 470, 474, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Trương Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trương Minh T được ly hôn bà Tang Thu T (Tăng Thu T).

- Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Đỗ Trương Minh T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0000145 ngày 14/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí ông T phải chịu. Ông T đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông Đỗ Trương Minh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Tang Thu T (Tăng Thu T) được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Quyên